

Số: 08/2024/NQ-HĐND

Bắc Ninh, ngày 22 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh v/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026 về Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 22**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 385/TTr-UBND ngày 16 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, nhiệm kỳ 2021-2026 về Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 70/BC-KTNS ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh:

1. Sửa đổi Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND:

“3. Sửa đổi khoản 2, khoản 3, khoản 4 thành khoản 2, khoản 3 Điều 4 như sau:

2. Định mức kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (nằm ngoài quỹ lương của cơ quan, đơn vị) để thực hiện ký hợp đồng đối với một số loại công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan Đảng, quản lý nhà nước, đoàn thể, hội đặc thù (nếu có), đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) theo số lượng hợp đồng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao: do ngân sách nhà nước đảm bảo cấp đủ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương. Trường hợp, tiền lương trong hợp đồng lao động áp dụng mức tiền lương theo thỏa thuận không được vượt quá tiền lương theo bảng lương được Chính phủ quy định (áp dụng mức lương cơ sở hiện hành). Chi khác bằng 50% định mức chi khác bình quân đối với công chức, viên chức trong các cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, Hội đặc thù và đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4.

3. Kinh phí chi cho các sự nghiệp

a) Hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp y tế; giáo dục và đào tạo; dạy nghề và các đơn vị sự nghiệp khác: Thực hiện theo quy định của nhà nước về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập hiện hành.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) thuộc lĩnh vực y tế; giáo dục và đào tạo; dạy nghề: Hằng năm giao cho Sở Tài chính phối hợp với Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo, các ngành có liên quan thảo luận dự toán, bảo đảm kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị phù hợp với quy định hiện hành.

Đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn lại do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4): áp dụng nguyên tắc, tiêu chí phân bổ như đối với lĩnh vực chi quản lý nhà nước; với định mức phân bổ chi khác tính theo biên chế sự nghiệp được giao, là: 57 triệu đồng/người/năm.

b) Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ: để thực hiện các đề án, dự án, kế hoạch, chương trình, nhiệm vụ theo phê duyệt của các cấp có thẩm quyền”

2. Sửa đổi Khoản 4 Điều 1 Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND:

“4. Sửa đổi Điểm a Khoản 3 Điều 5 như sau:

a) Cấp huyện

- Tiêu chí phân bổ tiêu chí chính và tiêu chí bổ sung:

* Tiêu chí chính phân bổ đồng thời theo 2 tiêu thức:

+ Theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao, chia theo biên chế tại đơn vị khối Đảng, tổ chức chính trị - xã hội; quản lý nhà nước; đơn vị sự nghiệp và hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP;

+ Theo đơn vị hành chính cấp huyện, phân theo đơn vị có trên 18 đơn vị cấp xã và dưới 18 đơn vị cấp xã;

* Tiêu chí bổ sung: Các huyện, thành phố, thị xã có khu công nghiệp, đông công nhân tạm trú;

- Định mức phân bổ:

* Theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao:

+ Biên chế Đảng, tổ chức chính trị - xã hội: 195 triệu đồng/biên chế (trong đó chi thường xuyên khác 63 triệu đồng);

+ Biên chế quản lý nhà nước: 160 triệu đồng/biên chế (trong đó chi thường xuyên khác 63 triệu đồng);

+ Biên chế các Hội: 135 triệu đồng/biên chế (trong đó chi thường xuyên khác 55 triệu đồng);

+ Định mức kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ (nằm ngoài quỹ lương của cơ quan, đơn vị) để thực hiện ký hợp đồng đối với một số loại công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan Đảng, quản lý nhà nước, đoàn thể, hội đặc thù (nếu có), đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (đơn vị nhóm 4) theo số lượng hợp đồng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao: do ngân sách nhà nước đảm bảo cấp đủ tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương. Trường hợp, tiền lương trong hợp đồng lao động áp dụng mức tiền lương theo thỏa thuận không được vượt quá tiền lương theo bảng lương được Chính phủ quy định (áp dụng mức lương cơ sở hiện hành). Chi khác bằng 50% định mức chi khác bình quân đối với công chức, viên chức trong các cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể, Hội đặc thù và đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 4.

* Theo quy mô số lượng đơn vị hành chính cấp xã:

+ Huyện, thành phố, thị xã có dưới 18 đơn vị hành chính cấp xã: 3.900 triệu đồng/đơn vị;

+ Huyện, thành phố, thị xã có từ 18 đơn vị hành chính cấp xã trở lên: Tăng 17%;

* Các huyện, thành phố, thị xã có khu công nghiệp, đông công nhân tạm trú: 180 triệu đồng/đơn vị.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này; chỉ đạo cơ quan chuyên môn có hướng dẫn cụ thể thực hiện việc chi trả cho các đối tượng theo đúng chế độ chính sách hiện hành và đúng quy định tại Nghị định số 111/2022/NĐ-CP. Định kỳ hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này tại phiên họp thường kỳ của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XIX, kỳ họp thứ 22 thông qua ngày 22 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2024././.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Công TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LĐVP, phòng CT.HĐND, lưu VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Hằng